

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiệm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Đào

Bà Lâm Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh E.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2021, biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 4 năm 2021 và tại đơn xin vắng mặt ngày 25/5/2021, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Trần Văn H xây dựng hôn nhân vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh S; đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/2013. Trong thời gian sống chung, bà Lê Thị H và ông Trần Văn H có một người con chung là cháu Trần Quốc H, sinh ngày 03/5/2014. Hiện đang sống chung với ông Trần Văn H. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống, giữa bà Lê Thị H và ông Trần Văn H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau do bà Lê Thị H và ông Trần Văn H tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không tương đồng. Nguyên nhân chính do ông Trần Văn H thường xuyên bạo lực gia đình và đánh đập bà Lê Thị H. Hơn nữa, ông Trần Văn H không quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên giữa bà Lê Thị H và ông Trần Văn H đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Nay bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Khi ly hôn về con chung bà Lê Thị H đồng ý giao con chung là cháu Trần Quốc H, sinh ngày 03/5/2014 cho ông Trần Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà Lê Thị H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, bà Lê Thị H không còn yêu cầu nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H thì ông Trần Văn H đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập ông Trần Văn H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Trần Văn H không đến Tòa án mà vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử và cũng không có văn bản gởi cho Tòa án biết về ý kiến yêu cầu của ông Trần Văn H đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Lê Thị H cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các

Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Trần Văn H. Về con chung, giao cháu Trần Quốc H, sinh ngày 03/5/2014 cho ông Trần Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Bà Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Trần Văn H không có yêu cầu; Bà Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, bà Lê Thị H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với ông Trần Văn H và hiện nay ông Trần Văn H cư trú tại ấp Hòa Ninh, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn H đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông Trần Văn H, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn H vẫn vắng mặt không có lý do, còn bà Lê Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị H và ông Trần Văn H.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh S và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không tương đồng và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do ông Trần Văn H thường xuyên bạo lực gia đình và đánh đập bà Lê Thị H nên bà Lê Thị H và ông Trần Văn H đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay không có biện pháp gì hàn gắn. Trong khi đó, mặc dù biết rõ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên đang thụ lý, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Trần Văn H và ông Trần Văn H đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên nhiều lần triệu tập đến Tòa án để hòa giải nhưng ông Trần Văn H có thái độ bỏ mặc, không thể hiện thiện chí và mong muốn được hàn gắn mối

quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn H với bà Lê Thị H. Từ đó, có căn cứ khẳng định tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Trần Văn H đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung đã không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Trần Văn H, cho bà Lê Thị H được ly hôn ông Trần Văn H.

[4] Về con chung, Sau khi ly hôn, bà Lê Thị H đồng ý giao con chung là cháu Trần Quốc H, sinh ngày 03/5/2014 cho ông Trần Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và bà Lê Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Trần Quốc H đang sinh sống ổn định với ông Trần Văn H và bà Lê Thị H tự nguyện giao con chung là cháu Trần Quốc H cho ông Trần Văn H tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, không nhất thiết thay đổi môi trường sinh sống của cháu Trần Quốc H nên cần thiết giao cháu Trần Quốc H cho ông Trần Văn H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H, giao cháu Trần Quốc H cho ông Trần Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Trần Văn H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Bà Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết và ông Trần Văn H cũng không thể hiện có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng; bà Lê Thị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008158 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Lê Thị H đã thực hiện xong.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Trần Văn H. Cho ly hôn giữa bà Lê Thị H với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc H, sinh ngày 03/5/2014 cho ông Trần Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Trần Văn H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Bà Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Lê Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008158 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lê Thị H đã thực hiện xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND TT Trà Cú, huyện Trà Cú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiệm